

R_x**ELTHON 50mg**
Itoprid hydrochlorid

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.
Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC

Thành phần hoạt chất: Mỗi viên chứa itoprid hydrochlorid 50mg

Thành phần tá dược: Lactose hydrate, tinh bột ngô, carmellose, acid silicic khan nhẹ, magnesi stearat, hypromellose, macrogol 6000, titan oxid, sáp carnauba.

DẠNG BẢO CHẾ

Viên nén bao phim màu trắng.

Mô tả

Hình dáng			
Kích cỡ	Đường kính(mm)	Độ dày(mm)	Trọng lượng trung bình (g)
	Xấp xỉ 7,3	Xấp xỉ 3,1	Xấp xỉ 0,13
Mã nhận dạng	HC803		

HÓA LÝ

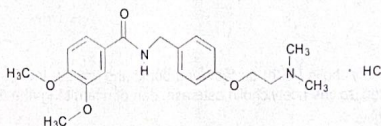
Tên hoạt chất: Itoprid hydrochlorid

Tên hóa học: N-[4-[2-(Dimethylamino) ethoxy]benzyl]-3,4-dimethoxybenzamide monohydrochloride

Công thức phân tử: C₂₀H₂₆N₂O₄ · HCl

Trọng lượng phân tử: 394,89

Công thức cấu tạo



Mô tả: Itoprid hydrochlorid là những tinh thể hoặc bột tinh thể màu trắng hay trắng vàng nhạt, không mùi, vị đắng. Nó rất dễ tan trong nước, tan tốt trong methanol hoặc trong acid acetic băng, tan ít trong ethanol và hầu như không tan trong acetic anhydrid hoặc ether. Độ pH của dung dịch (1→10) là 4,0 đến 5,0.

Điểm nóng chảy: 193 đến 198°C

Hệ số phân bố: 5,7 (đệm 1-octanol pH 7,4)

CHỈ ĐỊNH:

Chữa trị những triệu chứng về dạ dày-ruột gây ra bởi viêm dạ dày mạn (cảm giác đầy chướng bụng, đau bụng trên, chán ăn, ợ nóng, buồn nôn và nôn)

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:**Người lớn**

Liều uống thông thường cho người lớn là 150mg itoprid hydrochlorid (3 viên) mỗi ngày, chia 3 lần, mỗi lần 1 viên, uống trước bữa ăn. Liều này có thể giảm bớt tùy thuộc vào tuổi tác và bệnh trạng của từng bệnh nhân.

CHÔNG CHỈ ĐỊNH:

ELTHON chống chỉ định cho những bệnh nhân có tiền sử mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc. Không dùng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú trừ khi thật cần thiết.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC**Cảnh báo và thận trọng chung**

- Nên lưu ý khi sử dụng vì thuốc này làm tăng hoạt tính của acetylcholin.

- Không nên dùng kéo dài khi không thấy có sự cải thiện về những triệu chứng của dạ dày-ruột.

Sử dụng ở các đối tượng đặc biệt**Sử dụng thuốc ở trẻ em**

Độ an toàn của thuốc trên trẻ em vẫn chưa được xác định (Còn có ít bằng chứng lâm sàng).

Sử dụng thuốc ở người cao tuổi

Vì chức năng sinh lý ở người cao tuổi giảm nên những tác dụng không mong muốn dễ xảy ra hơn. Do đó, những bệnh nhân cao tuổi sử dụng thuốc này nên được theo dõi cẩn thận, nếu có bất kỳ tác dụng không mong muốn nào xuất hiện, nên sử dụng những biện pháp xử trí thích hợp, ví dụ như giảm liều hoặc ngừng thuốc.

Những thận trọng khi sử dụng

Những thận trọng khi phân phối thuốc: Đối với những thuốc đóng trong vỉ bấm (PTP), hướng dẫn bệnh nhân lấy thuốc ra khỏi bao bì trước khi sử dụng. (Đã có báo cáo rằng nếu tấm PTP bị nuốt, góc sắc nhọn của nó có thể đâm thủng thực quản gây nên biến chứng rất nghiêm trọng)

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ**Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai**

Thuốc này chỉ nên sử dụng ở phụ nữ có thai, hoặc ở phụ nữ có thể mang thai chỉ khi lợi ích mong muốn của trị liệu lớn hơn những rủi ro có thể gặp phải (Sự an toàn của sản phẩm này ở phụ nữ có thai vẫn chưa được xác định).

Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú

Tốt nhất là không nên sử dụng thuốc này trong thời kỳ cho con bú, nhưng nếu cần thiết, tránh cho con bú trong quá trình điều trị (Đã có báo cáo cho thấy itoprid hydrochlorid được bài tiết qua sữa ở những thí nghiệm trên động vật (chuột cống)). (Xem phần "Đặc tính Dược động học")

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Tác dụng không mong muốn như chóng mặt có thể xảy ra. Khả năng lái xe và vận hành máy móc có thể bị giảm xuống

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỲ CỦA THUỐC

Nên lưu ý khi dùng kết hợp ELTHON với những thuốc sau:

Thuốc	Dấu hiệu, triệu chứng và điều trị	Cơ chế tác dụng và những yếu tố rủi ro.
Những thuốc kháng Cholinergic Tiquizium bromide, scopolamine butyl bromide, timepidium bromide, ...	Triệu chứng: Có thể làm giảm tác dụng tăng nhu động dạ dày-ruột của itoprid (tác dụng cholinergic)	Cơ chế: Tác dụng ức chế của những thuốc kháng cholinergic có thể có tác dụng được lý học đối kháng tác dụng của itoprid.

Tương kỵ:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Tại thời điểm thuốc được cấp phép lưu hành tại Nhật: Những tác dụng không mong muốn được thấy ở 14 (2,45%) trên 572 bệnh nhân (19 trường hợp; 3,32%). Tác dụng không mong muốn chủ yếu là tiêu chảy (4 trường hợp; 0,7%), đau đầu (2 trường hợp; 0,35%), đau bụng (2 trường hợp; 0,35%). Những bất thường về các dữ liệu xét nghiệm là giảm bạch cầu (4 trường hợp), tăng prolactin (2 trường hợp), ...

Tại thời điểm đánh giá lại:

Những tác dụng không mong muốn được thấy ở 74 (1,25%) trên 5913 bệnh nhân (104 trường hợp; 1,76%). Những tác dụng không mong muốn chính có bất thường về các dữ liệu xét nghiệm là tiêu chảy (13 trường hợp; 0,22%), đau bụng (8 trường hợp; 0,14%), táo bón (8 trường hợp; 0,14%), tăng AST (GOT) (8 trường hợp; 0,14%), tăng ALT (GPT) (8 trường hợp; 0,14%),

*** Những tác dụng không mong muốn có ý nghĩa lâm sàng**

- **Sốc và phản ứng quá mẫn (tỉ lệ mắc chưa được biết):** Sốc và phản ứng quá mẫn có thể xuất hiện, và nên theo dõi bệnh nhân chặt chẽ. Nếu thấy bất kỳ dấu hiệu nào của sốc và phản ứng quá mẫn, ví dụ như tụt huyết áp, khó thở, phù thanh quản, nổi mề đay, tái nhợt và toát mồ hôi..., nên ngừng ngay thuốc và có những biện pháp điều trị thích hợp.

- **Rối loạn chức năng gan và vàng da (tỉ lệ mắc chưa được biết):** Rối loạn chức năng gan và vàng da cùng với tăng AST (GOT),

ALT (GPT) và γ -GTP... có thể xuất hiện và bệnh nhân nên được theo dõi chặt chẽ. Nếu phát hiện thấy những triệu chứng bất thường trên nền ngừng ngay thuốc và có những biện pháp điều trị thích hợp.

* Những tác dụng không mong muốn khác (AR)

	0,1% ≤ AR < 5%	AR < 0,1%	Tỉ lệ mắc chưa biết ⁽¹⁾
Quá mẫn ⁽²⁾			Phát ban, mẩn đỏ, ngứa...
Triệu chứng ngoại tháp ⁽²⁾		Run rẩy...	
Nội tiết ⁽²⁾		Tăng prolactin,	Chứng to vú ở đàn ông
Huyết học (2)		Giảm tiểu cầu, giảm bạch cầu....	
Đường tiêu hóa	Tiêu chảy, táo bón, đau bụng....	Buồn nôn, tăng tiết nước bọt...	
Tâm thần		Đau đầu, cảm giác khó chịu, rối loạn giấc ngủ, chóng mặt...	
Gan	Tăng AST (GOT), tăng ALT(GPT)...	Tăng γ -GTP, tăng AL-P....	
Thận		Tăng BUN, tăng creatinin...	
Các loại khác		Đau lưng hoặc ngực, mệt mỏi...	

Ghi chú:

¹⁾ Tỉ lệ mắc chưa được biết do đây là những báo cáo tự phát.

²⁾ Nếu có bất kỳ dấu hiệu bất thường nào được phát hiện, nên có những biện pháp xử trí thích hợp, ví dụ như ngừng dùng thuốc...

QUA LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Mã ATC: A03FA07

1. Cơ chế tác dụng

ELTHON làm tăng sự giải phóng acetylcholin (ACh) do tác dụng đối kháng với thụ thể D_2 dopamin, và ức chế sự phân hủy acetylcholin được giải phóng qua việc ức chế acetylcholin esterase, dẫn đến làm tăng nhu động dạ dày-ruột.

2. Làm tăng nhu động dạ dày-ruột

- Làm tăng nhu động dạ dày

Itoprid hydrochlorid làm tăng nhu động dạ dày của chó lúc thức, phụ thuộc vào liều.

- Tăng khả năng làm rỗng dạ dày

Itoprid hydrochlorid làm tăng khả năng rỗng dạ dày ở người, chó, chuột cống.

3. Làm giảm nôn

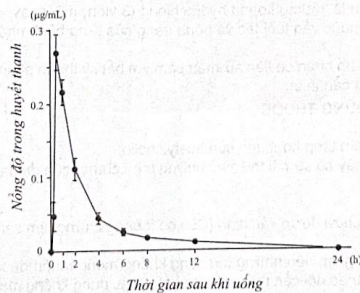
Itoprid hydrochlorid ức chế nôn ở chó gây ra bởi apomorphin, tác dụng này phụ thuộc vào liều.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

1. Nồng độ trong huyết thanh

Nồng độ trong huyết thanh và những thông số dược động học ở người lớn khỏe mạnh, sau một liều đơn uống 50mg itoprid hydrochlorid lúc đói được chỉ rõ trong hình 1 và bảng 1.

Hình 1: Nồng độ trong huyết thanh sau một liều đơn uống 50mg itoprid hydrochlorid (người lớn khỏe mạnh lúc đói, giá trị trung bình $\pm$ S.E.)



Bảng 1: Các thông số dược động học

Liều(mg)	C_{max} (µg/mL)	T_{max} (hr)	AUC_{0-24} (µg.hr/mL)	$T_{1/2\alpha}$ (giờ)
50	$0,28 \pm 0,02$	$0,58 \pm 0,08$	$0,75 \pm 0,05$	$5,77 \pm 0,33$

Giá trị trung bình $\pm$ độ lệch chuẩn, n=6

2. Phân bố

Kết quả thu được từ những thí nghiệm trên động vật

- Nồng độ tối đa đạt được ở hầu hết tất cả các mô từ 1 đến 2 giờ sau liều uống đơn 5mg/kg ^{14}C -itoprid hydrochlorid ở chuột cống, và 2 giờ sau khi uống đạt nồng độ cao ở thận, ruột non, gan, tuyến thượng thận, dạ dày (theo mức độ giảm dần từ cao xuống thấp) và phân thuốc đi vào hệ thống thần kinh trung ương, như não và tủy sống, là rất ít.

- Khi đưa ^{14}C -itoprid hydrochlorid với liều 5mg/kg vào tá tràng cho chuột cống, nồng độ hoạt tính phóng xạ trong những lớp cơ dạ dày cao hơn khoảng 2 lần so với nồng độ trong máu.

- Sự bài tiết qua sữa: Khi dùng liều uống 5mg/kg ^{14}C -itoprid hydrochlorid cho chuột cống, nồng độ hoạt tính phóng xạ trong sữa so với trong huyết thanh cao hơn 1,2 lần về C_{max} , 2,6 lần cao hơn về AUC, và 2,1 lần cao hơn về $T_{1/2}$.

3. Chuyển hóa và thải trừ

- Ở liều uống đơn 100mg itoprid hydrochlorid dùng cho người lớn khỏe mạnh (6 nam giới) khi đói, tỷ lệ bài tiết qua nước tiểu trong vòng 24 giờ sau khi uống cao nhất là dạng N-oxide [67,54% của liều dùng (89,41% của phần bài tiết qua nước tiểu)] và sau đó là dạng thuốc không đổi (4,14%), và những chất còn lại là không đáng kể.

- Trong những thí nghiệm sử dụng microsomes biểu thị CYP hoặc flavin monooxygenase (FMO) của người, cho thấy FMO1 và FMO3 tham gia tạo chất chuyển hóa chính N-oxide. Tuy nhiên, không phát hiện thấy hoạt tính N-oxygenase của CYP1A2, -2A6, -2B6, -2C8, -2C9, 2C19, 2D6, 2E1, hoặc 3A4.

4. Các vấn đề khác

Tỉ lệ liên kết protein huyết thanh: Tỉ lệ liên kết protein huyết thanh là 96% sau khi dùng liều đơn uống 100mg itoprid hydrochlorid cho người lớn khỏe mạnh (6 nam giới) khi đói.

NGHIÊN CỨU LÂM SÀNG

Những nghiên cứu lâm sàng mở, và những nghiên cứu so sánh mù đôi của ELTHON đã được tiến hành. Kết quả cho thấy tỉ lệ có hiệu lực của ELTHON đối với những triệu chứng về dạ dày ruột ở bệnh viêm dạ dày mạn là 77,6% (277/357 bệnh nhân) cho những trường hợp có cải thiện từ mức trung bình trở lên (Tại thời điểm thuốc được cấp phép lưu hành)

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 2 vỉ x 10 viên

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Điều kiện bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. Để ngoài tầm tay trẻ em.

Hạn dùng: 3 năm kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

Tiêu chuẩn chất lượng: tiêu chuẩn cơ sở

NHÀ SẢN XUẤT

Cơ sở sản xuất: Katsuyama Pharmaceuticals K.K., Katsuyama Plant

Địa chỉ: 2-1, Inokuchi 37, Katsuyama, Fukui 911-8555, Japan (Nhật Bản)

Cấp nhật tháng 7 năm 2021